

**Chuyên Mã Đề cương các
ngành số môn thi thí sinh
có thể tham
khảo tại đây
Cơ bản (180') Cơ sở (180')**

t

t

Toán	60	Giải tích	Giải tích
giải tích	46	Giải tích	Giải tích
	01	Giải tích	Giải tích
	02	Giải tích	Giải tích
Đại số	60	Đại số & Giải	Đại số
và lí	46	tích đại cương	Đại số
thuyết	01	Đại số & Giải	Đại số
số	04	tích đại cương	Đại số
Hình	60	Đại số & Giải	Hình học
học và	46	tích đại cương	Hình học
tôpô	01	Đại số & Giải	Hình học
	05	tích đại cương	Hình học
LL&PP	60	Đại số	Giải tích
DH BM	14	Đại số	Giải tích
Toán	01	Đại số	Giải tích
	11	Đại số	Giải tích
Văn học	60	Triết học	Lí luận văn học
Việt	22	Triết học	Lí luận văn học
Nam	01	Triết học	Lí luận văn học
	21	Triết học	Lí luận văn học
Văn học	60	Triết học	Lí luận văn học
nước	22	Triết học	Lí luận văn học
ngoài	02	Triết học	Lí luận văn học
	45	Triết học	Lí luận văn học
Lí luận	60	Triết học	Lí luận văn học
văn học	22	Triết học	Lí luận văn học
	01	Triết học	Lí luận văn học
	20	Triết học	Lí luận văn học
Ngôn	60	Triết học	Ngôn ngữ học
ngữ học	22	Triết học	Ngôn ngữ học
	01	Triết học	Ngôn ngữ học
	02	Triết học	Ngôn ngữ học
Lịch sử	60	Triết học	Lịch sử Việt
Việt	22	Triết học	Lịch sử Việt
Nam	03	Triết học	Lịch sử Việt
	13	Triết học	Lịch sử Việt
Lịch sử	60	Triết học	Lịch sử Thế
thế giới	22	Triết học	Lịch sử Thế
	03	Triết học	Lịch sử Thế
	11	Triết học	Lịch sử Thế
Địa lí	60	Toán cho Địa lí	Địa lí học đại

học	31		cương
	05		
	01		
Quản lí	60	Logic học	Giáo dục học
giáo dục	14		đại cương
	01		
	14		
Tâm lí	60	Triết học	Tâm lí học phát
học	31		triển
	04		
	01		
LL&PP	60	Thực hành tiếng	LL&PPDH
DH BM	14	Pháp	tiếng Pháp
tiếng	01		
Pháp	11		
Vật lí	60	Toán cho Vật lí	Vật lí nguyên
nguyên	44		tử, hạt nhân
tử	01		
	06		
LL&PP	60	Toán cho Vật lí	Vật lí đại
DH BM	14		cương
Vật lí	01		
	11		
LL&PP	60	Cơ sở lí thuyết	LL&PPDH
DH BM	14	HH và CTC	môn Hóa học
Hoá học	01		
	11		
Giáo	60	Triết học	Tâm lí học phát
dục học	14		triển (MN)
(GD	01		
Mầm	01		
non)			
Giáo	60	Triết học	Lí luận dạy học
dục học	14		tiểu học
(GD	01		
Tiểu	01		
học)			